

Bản án số: 05/2019/KDTM- ST
Ngày: 27/9/2019.
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng
+ Thế chấp tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng**.
2. Ông **Đặng Văn Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa ông **Tôn Văn Xuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2019/TLST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2019/QĐST- KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2019/QĐST - KDTM ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P; địa chỉ: số 45, đường Lê D, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp của nguyên đơn:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn Tuấn**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Thụy Bảo A, chức vụ: Giám đốc chi nhánh An Giang kiêm Giám đốc bán lẻ. Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2016.

Ông Mai Hữu T, chức vụ: Chuyên viên Thu hồi nợ. Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2019; địa chỉ: số 54 Trần Hưng Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ngọc C, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Ông Trần Quang Minh, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Chị Trần Thị Sê Ri, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Anh Trần Văn Hồ, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Chị Trần Thị Trúc Phương, sinh năm 1990; ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không hòa giải được, tại phiên Tòa đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần P, ông Mai Hữu T trình bày: Ông C và bà H đã ký với ngân hàng P để vay số tiền 120.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0601/2017/H ĐTD-CN ngày 19/9/2017 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0601/2017-OCB/KUNN-CN ngày 19/9/2017, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán lúa gạo, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 19/9/2017 đến ngày 19/9/2018; pHthức trả lãi hàng tháng, gốc cuối kỳ.

- Lãi suất trong hạn: 11,5%/năm, áp dụng tại thời điểm giải ngân. Áp dụng lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh lại định kỳ 06 tháng/lần. Bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 6 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố + Biên độ tối thiểu 5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Số tiền lãi, gốc đã trả tính đến ngày 27/9/2019 là: Lãi 36.901.788 đồng, tiền gốc 43.922.432 đồng. Số tiền vi phạm hợp đồng phải thanh toán tạm tính từ ngày 19/9/2018 đến ngày 27/9/2019 là:

- Nợ gốc: 76.077.568 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 943.386 đồng.

Tổng cộng 77.020.954 đồng.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên ông C, bà H đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp số 0601/2017/BĐ ngày 19/9/2017 gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 23, diện tích 365 m², mục đích đất ở tại nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 131827, sổ vào sổ CH01563 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/02/2012 cho ông C và bà H đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần P yêu cầu ông Nguyễn Văn Ngọc C và bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 0601/2017/HĐTD – CN ngày 19/9/2017, nợ gốc 76.077.568 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 19/9/2018 đến ngày 27/9/2019 là 943.386 đồng. Sau ngày 27/9/2019, nợ lãi phát sinh vẫn tiếp tục áp dụng theo hợp đồng tín dụng số 0601/2017/HĐTD-CN ngày 19/9/2017 đến khi tất toán khoản vay.

Rút lại yêu cầu đối với số tiền vốn gốc 23.300.002 đồng, tiền lãi 3.272.456 đồng.

Bị đơn Nguyễn Văn Ngọc C trình bày: Ông và bà H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông thống nhất theo lời trình bày của đại diện ngân hàng P về thời gian vay, thời gian thanh toán nợ, mục đích vay và có đăng ký thế chấp. Trong khoảng thời gian vay ông có trả vốn và lãi cho Ngân hàng được số tiền 26.572.458 đồng, hiện nay vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 76.077.568 đồng và tiền lãi là 943.386 đồng. Đối với yêu cầu của đại diện ngân hàng ông đồng ý trả nợ nhưng do làm ăn thất bại nên yêu cầu được trả dần hàng tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 19/9/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P với ông Nguyễn Văn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H đã ký hợp đồng tín dụng với số tiền 120.000.000 đồng,

thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 19/9/2017 đến ngày 19/9/2018), mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất trong hạn 11,5%/ năm, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ 06 tháng /01 lần, lãi suất quá hạn 150%/ lãi suất trong hạn, trong khi vay đã ký hợp thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01563 diện tích 365m² đất ở nông thôn do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/02/2012 cho ông Nguyễn Văn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H

Trong thời gian khởi kiện ông C, bà H có trả cho Ngân hàng số tiền gốc 23.300.002 đồng và tiền lãi 3.272.456 đồng. Do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu ông C, bà H trả số tiền vốn còn lại và lãi tính đến ngày 27/9/2019 là 77.020.954 đồng và chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi tất toán khoản vay. Đồng thời có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Phía bị đơn cũng thống nhất với số nợ mà Ngân hàng khởi kiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng số 0601/2017 ngày 19/9/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P với ông C, bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Do ông C, bà H đã vi phạm nghĩa vụ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ vốn và lãi là 77.020.954 đồng là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, số 0301/2017 ngày 19/9/2017, trong đó ông C, bà H thế chấp quyền sử dụng đất số CH01563 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp. Hợp đồng thế chấp có công chứng tại Văn phòng công chứng Huỳnh Thị N và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C nên việc Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ là có căn cứ theo Điều 299, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với các ông bà Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị T, Trần Quang M, Trần Thị S, Trần Văn H, Trần Thị Trúc P đang trực tiếp sử dụng đất thế chấp, đã được triệu tập hợp lệ với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng các anh, chị vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến nên không có cơ sở xem xét đến quyền lợi của các anh, chị trong vụ án này.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 299, 323, 463, 466, 468 - Bộ luật dân sự năm, Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, xem xét quyết định.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bà H và những người có nghĩa vụ liên quan không đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự

của pháp luật nhưng các ông bà không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà H, ông C có nơi cư trú tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện C đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông C, bà H trả số tiền theo hợp đồng tín dụng số tiền vốn gốc 120.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bà C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền vốn và lãi là 26.572.458 đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự, nghĩ nên đình chỉ đối với yêu cầu này. Còn lại số tiền nợ vốn và lãi là 77.020.954 đồng, yêu cầu ông C, bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền này dựa trên hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết là có cơ sở để chấp nhận là phù hợp Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

Xét thấy, nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên Ngân hàng yêu cầu ông C, bà H có nghĩa vụ liên đới trả số nợ cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 76.077.568 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2019 là 943.386 đồng phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những cơ sở trên nghĩ nên buộc ông C, bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn 76.077.568 đồng (bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi tám đồng) và lãi suất phát sinh tính đến ngày 27/9/2019 là 943.386 đồng (chín trăm bốn mươi ngàn ba trăm tám mươi sáu đồng) Tổng cộng vốn và lãi là 77.020.954 đồng (bảy mươi bảy triệu không trăm hai mươi ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng). Trường hợp ông C, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân

hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 7 Điều 351 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông C, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

Các Điều 299, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 217, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P.

Buộc ông Nguyễn Văn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Psố tiền vốn 76.077.568 đồng (bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi tám đồng) và số tiền lãi quá hạn phát sinh tính đến ngày 27/9/2019 là 943.386 đồng (chín trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm tám mươi sáu đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 77.020.954 đồng (bảy mươi bảy triệu không trăm hai mươi ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 28/9/2019 ông Nguyễn Văn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 0601/2017/HĐTD – CN ngày 19/9/2017/6/2016 cho đến khi ông C, bà H thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần P thì lãi suất mà ông C, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 0601/2017/BĐ ngày 19/9/2017 và đã được Văn phòng công chứng Huỳnh Thị N chứng nhận tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 23, diện tích 365 m² đất ở nông thôn theo giấy nhận số BE 131827 số vào sổ CH01563 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/02/2012 mang tên ông Nguyễn Văn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H để đảm bảo thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P đối với số tiền vốn gốc 23.300.002 đồng, tiền lãi 3.272.456 đồng

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Ngọc C, bà Trần Thị Kim H phải chịu 3.851.000 đồng (ba triệu tám trăm năm mươi một ngàn).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP P số tiền 2.786.000 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn) theo biên lai số 0012905 ngày 12/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

